TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG ĐIỀN** TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **62**/2017/HSST
Ngày: 31-8-2017.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG ĐIỀN, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Trí Thức.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thủy - Giáo viên hưu trí.

2. Bà Nguyễn Thị Di - Giáo viên hưu trí.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Lành - Kiểm sát viên.

Ngày 31/8/2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 55/2017/TLST-HS ngày 02/8/2017 đối với các bị cáo:

Các bị cáo:

1- Ngô Thành D, sinh năm 1996, tại Bà Rịa-Vũng Tàu. HKTT: xã P, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu; Nghề nghiệp: không; Trình độ văn hóa: lớp 6/12; Con ông Đinh Văn C (không rõ sinh sống ở đâu) và bà Ngô Thị A L (định cư tại nước Pháp); Vợ, con: không; Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 08/4/2017 và chuyển tạm giam ngày 11/4/2017. (có mặt)

2- Trần Minh M (M khùng)**,** sinh ngày 14/6/2002, tại Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. HKTT: xã P, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Trình độ văn hóa: lớp 8/12; Con ông Trần Văn D và bà Phạm Thị X; Vợ, con: không; Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo tại ngoại. (có mặt)

Người đại diện hợp pháp của bị cáo M: Ông Trần Văn D và bà Trần Thị X (cha, mẹ của bị cáo). Địa chỉ: xã P, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. (có mặt)

Bị hại: Cháu Lê Vũ Phương T sinh ngày 14/02/2002. Địa chỉ: thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. (vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp của bị hại: Bà Vũ Phương N (mẹ của bị hại).

Địa chỉ: thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. (vắng mặt)

(bị cáo Trần Minh M, bị hại Lê Vũ Phương T và những người đại diện hợp pháp từ chối Luật sư tham gia tố tụng)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ ngày 08/4/2017 Ngô Thành D điều khiển xe mô tô biển số 72K1-335.79 đến trường tiểu học Trần Nguyên Hãn, xã P, huyện Đ gặp Trần Minh M. Tại đây, D rủ M đi giật tài sản của những người đi đường bán lấy tiền tiêu xài, M đồng ý. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, D điều khiển xe mô tô nói trên chở M lưu thông trên đường 36m theo hướng từ thị trấn L về xã H với mục đích để cướp giật tài sản. Khi đi đến đoạn đường thuộc ấp V, xã H, huyện Đ, M phát hiện có 04 cháu học sinh nữ đang chạy xe đạp theo chiều ngược lại, trong đó có cháu Lê Vũ Phương T sinh ngày 14/02/2002 chạy xe đạp chở bạn phía sau là Nguyễn Thị Nh, trong giỏ phía trước xe đạp có để 01 chiếc túi xách bằng vải màu đen nên M nói D giật túi xách trên. Lúc này, D liền điều khiển xe quay lại và chạy lên áp sát vào xe của T, M ngồi sau nhanh chóng dùng tay phải giật túi xách rồi D tăng ga xe bỏ chạy. Khi chạy được khoảng 200m do không làm chủ được tay lái D đã đụng vào đàn bò đang đi qua đường làm D té ngã xuống đường bất tỉnh và bị bắt giữ, riêng M lấy xe mô tô của D chạy thoát. Đến ngày 09/4/2017, M bị cơ quan điều tra phát hiện mời làm việc và đã khai nhận hành vi trên của mình.

Vật chứng vụ án gồm:

- 01 chiếc túi xách màu đen, không có nhãn hiệu, bên trong túi xách có 39 tờ tiền giấy, mệnh giá mỗi tờ là 500 đồng, tổng số tiền là 19.500đ. Hiện đã trao trả lại cho bị hại cháu Lê Vũ Phương T.

- 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Wave RSX, biển số 72K1-335.79. Hiện chuyển giao Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ quản lý chờ xử lý.

Về trách nhiệm dân sự: cháu Lê Vũ Phương T đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt nên không yêu cầu bồi thường gì thêm. Đối với chiếc túi xách màu đen hiện nay đã cũ không còn giá trị nên không yêu cầu định giá.

Bản cáo trạng số 59/QĐ-KSĐT ngày 01/8/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đã truy tố các bị cáo Ngô Thành D và Trần Minh M về tội "Cướp giật tài sản" theo điểm d khoản 2 Điều 136 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

- Các bị cáo Ngô Thành D và Trần Minh M đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, không có tranh luận gì.

- Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 136 Bộ luật hình sự; điểm g, p khoản 1,

khoản 2 Điều 46; điểm h, n khoản 1 Điều 48; Điều 20; Điều 33 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo D mức án từ 03 đến 04 năm tù.

+ Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 136 Bộ luật hình sự; điểm g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm h khoản 1 Điều 48; Điều 20; Điều 69, 74; Điều 60 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo M mức án từ 18 đến 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 36 tháng đến 48 tháng.

+ Xử lý vật chứng: Đề nghị tịch thu sung quỹ nhà nước 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Wave RSX, biển số 72K1- 335.79 của bị cáo D do dùng làm phương tiện phạm tội.

- Lời nói sau cùng: Các bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện L, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa, bị cáo Ngô Thành D và Trần Minh M đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố. Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án nên có cơ sở xác định vào khoảng 16 giờ 00 phút ngày 08/4/2017, tại đoạn đường 36m thuộc ấp V, xã H, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, Ngô Thành D đã có hành vi điều khiển xe mô tô biển số 72K1-335.79 áp sát xe đạp của cháu Lê Vũ Phương T để cho Trần Minh M ngồi phía sau dùng tay phải cướp giật của cháu T 01 chiếc túi xách màu đen, bên trong có số tiền 19.500đ rồi nhanh chóng tẩu thoát. Hành vi các bị cáo dùng xe mô tô để cướp giật tài sản của bị hại trong trường hợp này được xác định là thủ đoạn nguy hiểm. Do đó, có đủ căn cứ kết luận các bị cáo phạm tội "Cướp giật tài sản" quy định tại điểm d khoản 2 Điều 136 Bộ luật hình sự.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Các bị cáo nhận thức rõ việc vi phạm sẽ bị pháp luật trừng trị, muốn có tiền tiêu xài nhưng lười lao động nên dẫn thân vào con đường phạm tội. Do đó, cần phải áp dụng mức hình phạt nghiêm để cải tạo, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung.

Trong vụ án này, các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm nhưng mang tính chất giản đơn. Bị cáo D là người chủ động rủ rê, lôi kéo bị cáo M

thực hiện hành vi phạm tội nên phải chịu trách nhiệm chính trong vụ án; Đối với bị cáo M khi được D rủ rê thì cũng tích cực tham gia nên cũng phải chịu trách nhiệm với vai trò của mình. Tại thời điểm phạm tội, bị cáo M mới hơn 14 tuổi nên áp dụng nguyên tắc xử lý đối với người chưa thành niên phạm tội khi quyết định hình phạt.

Các bị cáo phạm tội đối với bị hại là người chưa thành niên nên đây được xem là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự. Riêng bị cáo D có hành vi xúi giục bị cáo M là người chưa thành niên phạm tội nên phải chịu thêm tình tiết tăng nặng quy định tại điểm n khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự.

Xét quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; bị cáo D có hoàn cảnh khó khăn, từ nhỏ không được sự chăm sóc, nuôi dưỡng của cha mẹ, hiện sống với ông bà ngoại là người có công với cách mạng; bị cáo M bị D rủ rê lôi kéo nên căn cứ điểm g, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự xem xét giảm một phần hình phạt cho các bị cáo.

Bị cáo M còn nhỏ, nhận thức chưa đầy đủ, có nơi cư trú rõ ràng, xét chưa cần thiết phải cách ly khỏi đời sống xã hội mà xử phạt tù cho hưởng án treo giao về chính quyền địa phương giám sát, giáo dục là phù hợp.

Xử lý vật chứng:

- 01 chiếc túi xách màu đen và số tiền 19.500đ Cơ quan điều tra đã trao trả cho bị hại cháu Lê Vũ Phương T là đúng quy định.

- 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Wave RSX, biển số 72K1-335.79 của bị cáo D dùng làm phương tiện phạm tội nên tịch thu sung quỹ nhà nước.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại, đại diện hợp pháp của bị hại không có yêu cầu nên không xét đến.

- Án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Các bị cáo Ngô Thành D và Trần Minh M (M khùng) phạm tội "Cướp giật tài sản".

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 136; điểm h, n khoản 1 Điều 48; điểm g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20, Điều 33 Bộ luật hình sự 1999.

Xử phạt: Ngô Thành D 03 (ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 08/4/2017.

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 136; điểm h khoản 1 Điều 48; điểm g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 69, 74; Điều 60 Bộ luật hình sự 1999.

Xử phạt: Trần Minh M (M khùng) 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 03 (ba) năm tính từ ngày 31/8/2017. Giao

bị cáo Trần Minh M cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

- Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự và Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Wave RSX, biển số 72K1-335.79 của bị cáo D.

(Vật chứng trên Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ đang quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng số 40/BB-THA ngày 02/8/2017).

- Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu nên không xét đến.

- Án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, buộc các bị cáo Ngô Thành D và Trần Minh M, mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo, đại diện hợp pháp của bị cáo M được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Trí Thức

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh BR-VT;
- VKSND H. Long Điền;
- Công an H. Long Điền;
- Sở TP tỉnh BR-VT;
- THADS H. Long Điền;
- UBND xã P;
- Những người TGTT;
- Lưu hồ sơ.